

Số: 230 /CTGTSG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 03 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn (GTS) thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2025 với Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội như sau:

- Tên tổ chức: Công ty CP Công Trình Giao Thông Sài Gòn
  - Mã chứng khoán: GTS
  - Địa chỉ: 476 Huỳnh Tấn Phát, Phường Tân Thuận, TP.HCM
  - Điện thoại liên hệ: 028.38558649 - Fax 028.38558649
  - Email: [ctgtsg@gmail.com](mailto:ctgtsg@gmail.com) Website: <http://www.giaothongsaigon.com.vn>
- Nội dung công bố thông tin
  - BCTC đã được kiểm toán năm 2025 theo quy định tại khoản 3 điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:
    - BCTC văn phòng
    - BCTC riêng
    - BCTC hợp nhất
  - Các trường hợp giải trình nguyên nhân:
    - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)
      - Có  không
    - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2025)
      - Có  không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán:  
 Có  không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 06 / 03 / 2026 tại đường dẫn: <http://www.giaothongsaigon.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố

**Tài liệu đính kèm:**

- BC kiểm toán Văn phòng 2025;
- BC kiểm toán Riêng 2025;
- BCTC kiểm toán Hợp nhất 2025;



Tổng Giám đốc *kh*

Hoàng Anh Giao



Member of  
MSI Global Alliance

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG SÀI GÒN  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2025  
đã được kiểm toán

**Đơn vị kiểm toán:**

**Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)**  
Thành viên của tổ chức kiểm toán quốc tế MSI Global Alliance  
29 Võ Thị Sáu, P. Tân Định, TP. Hồ Chí Minh. Tel: (028) 38 205 944 - 38 205 947; Fax: (028) 38 205 942



## MỤC LỤC

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	03 - 06
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	07
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY</b>	
- Bảng cân đối kế toán riêng	08 - 09
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
- Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	13 - 36



## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty (bao gồm Văn phòng và các Xí nghiệp trực thuộc) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### I. CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn tiền thân là Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn. Đại diện phần vốn nhà nước là Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300460907 ngày 26 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 6769/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907 đăng ký lần đầu ngày 05/05/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26/08/2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : **284.997.640.000 đồng.**  
Trụ sở : 476 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh.  
Người đại diện pháp luật : Hoàng Anh Giao - Tổng Giám đốc

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố HCM, bảo trì công trình đường thủy nội địa.,
- Thực hiện công trình kinh doanh: Thi công xây dựng các công trình giao thông, cấp nước, thoát nước, điện lực; buu điện, thủy lợi.,
- Kinh doanh vật liệu xây dựng: Sản xuất và kinh doanh bê tông nhựa nóng và nhũ tương nhựa đường...

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động công ích : Duy tu, sửa chữa công trình giao thông; Duy tu sửa chữa công trình đường thủy; Duy tu sửa chữa công trình thủy lợi, cây xanh, chiếu sáng, cầu cống thoát nước, xử lý nước thải (Mã ngành 4390 - chính)
- Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng, kinh doanh kho bãi, dịch vụ đỗ xe; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác (Mã ngành 6810)
- Thi công các công trình nạo vét, xử lý môi trường, nước thải (Mã ngành 3700)
- Dịch vụ rửa xe 2 và 4 bánh, Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Mã ngành 4520)
- Trồng cây lâu năm khác; Nhân và chăm sóc cây giống hằng năm; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (Mã ngành 0129, 0131, 0810)
- In ấn, Dịch vụ liên quan đến in (Mã ngành 1811, 1812)
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu (Mã ngành 2511, 2592, 2599)
- Thi công xây dựng công trình giao thông; bến bãi; cấp thoát nước, công trình dân dụng; công nghiệp; điện; chiếu sáng; buu điện; cây xanh và công trình thủy. Thi công xây dựng các công trình thủy lợi (Mã ngành 4110)
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng đường ô tô (Mã ngành 4933)
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật: Tư vấn xây dựng công trình giao thông nhóm B và C, tư vấn công trình cấp thoát nước, hạ tầng kỹ thuật (Mã ngành 7110)
- Mua bán các vật liệu xây dựng chuyên dụng chuyên ngành, tín hiệu giao thông nhóm B & C, tư vấn công trình cấp thoát nước (Mã ngành 4663)
- Sản xuất pano phục vụ tuyên truyền an toàn giao thông (không hoạt động tại trụ sở) (Mã ngành 7310)
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ (Mã ngành 4211; 4212)

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa (Mã ngành 5022)
- Xây dựng nhà các loại: thi công xây dựng nhà xưởng, xây dựng dân dụng (Mã ngành 4102)
- Phá dỡ : phá dỡ các công trình thi công (Mã ngành 4311)
- Chuẩn bị mặt bằng: san lấp, chuẩn bị mặt bằng (Mã ngành 4312)
- Thu gom rác thải không độc hại, rác thải độc hại (Mã ngành 3811, 3812)
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê xe máy, thiết bị xây dựng (mã ngành 7730).
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình, vật liệu xây dựng (Mã ngành 7110).
- Sản xuất bê tông nhựa nóng, sản xuất bê tông thương phẩm, trạm trộn bê tông, sản xuất nhũ tương, sản xuất tín hiệu giao thông (Mã ngành 2395, 1920, 2790).
- Dịch vụ thu phí sử dụng dịch vụ đường bộ; Quản lý, trông coi nhà điều hành, trạm thu phí (Mã ngành 5225)
- Điều tiết, khống chế, thanh thải, chướng ngại vật, chống va trôi các đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa; Hoạt động hoa tiêu đường thủy nội địa (Mã ngành 5222)

#### 4. Mô hình hoạt động

Công ty có 01 Công ty con, 14 Xí nghiệp trực thuộc, 1 địa điểm kinh doanh và Văn phòng công ty quản lý chung hoạt động của toàn Công ty. Mô hình hoạt động như sau:

##### a. Công ty con

- Góp vốn thành lập : Công ty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Số 1
- Giấy chứng nhận ĐKKD : 0310994760 do SKH & ĐT TP. HCM cấp ngày 18/07/2011.
- Địa chỉ : 476 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh.
- Tỷ lệ quyền biểu quyết : 100%. Tỷ lệ vốn chủ sở hữu : 100%.

##### b. Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Bao gồm Văn phòng Công ty và 14 Xí nghiệp trực thuộc có cùng địa chỉ tại trụ sở số 479 Huỳnh Tấn Phát, Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh, chức năng hoạt động kinh doanh của đơn vị trực thuộc như sau:

- Văn phòng Công ty : Quản lý chung
- Xí nghiệp đường bộ 1  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình. Sản xuất bê tông nhựa nóng, nhũ tương.
- Xí nghiệp đường bộ 4  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.
- Xí nghiệp đường bộ 6  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.
- Xí nghiệp công trình 2  
Thi công xây dựng công trình
- Xí nghiệp công trình 3  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.
- Xí nghiệp công trình 5  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình. Sản xuất, lắp đặt hệ thống tín hiệu giao thông.
- Xí nghiệp công trình 6  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.
- Xí nghiệp công trình 8  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.
- Xí nghiệp công trình 9  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.
- Xí nghiệp công trình 10  
Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.



**- Xí nghiệp công trình thanh niên**

Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình.

**- Xí nghiệp công trình Hạ tầng Giao thông**

Thi công xây dựng công trình.

**- Xí nghiệp Sản xuất Lắp đặt Hệ thống Tín hiệu Giao thông**

Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình. Sản xuất, lắp đặt hệ thống tín hiệu giao thông.

**- Xí nghiệp Sản xuất Bê tông Nhựa nóng**

Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, thi công xây dựng công trình. Sản xuất bê tông nhựa nóng.

**- Địa điểm kinh doanh**

Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh cấp lần đầu số 00008 ngày 24/07/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp, địa chỉ Lô D5.2 KCN Cầu cảng Phước Đông, Ấp 5, xã Phước Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An, Việt Nam.

**II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT:**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ-CTGTSG ngày 25/04/2025 thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng nhiệm kỳ 2021-2026 như sau:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Hoàng Ngọc Hưng	Chủ tịch
Ông Hoàng Anh Giao	Thành viên
Ông Võ Anh Tú	Thành viên
Ông Trần Thanh Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Danh Thụ	Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Minh Đức	Trưởng ban
Ông Bùi Thống Nhất	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Duy	Thành viên

**Ban Tổng Giám đốc**

Ông Hoàng Anh Giao	Tổng Giám đốc
Ông Phan Minh Hải Lăng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Anh Tú	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Thái	Phó Tổng Giám đốc

**Kế toán trưởng**

Bà Phan Thị Tú Trinh	Kế toán trưởng
----------------------	----------------

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

**III. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 được thể hiện trong báo cáo tài chính riêng đính kèm.

**IV. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY**

Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2025 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng của Công ty.

50117  
CÔNG  
TNH  
CH VỤ  
HÌNH N  
A KIỂM  
PHIA M  
- T.P.H

#### V. KIỂM TOÁN VIÊN:

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) được chọn thực hiện công tác soát xét và kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

#### VI. CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CỦA CÔNG TY:

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng của Công ty phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này.
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc Công ty cho rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### VII. CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020, Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18/19/2024 và Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 do Bộ tài chính ban hành về hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

#### VIII. PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chúng tôi, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn phê duyệt Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026



TM. Ban Tổng giám đốc

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Giao

Số: 77 /BCKT/TC/2026 /AASCS

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn, được lập ngày 03 tháng 03 năm 2025, trình bày từ trang 8 đến trang 36 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng của Công ty dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính của Công ty.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. HCM, Ngày 03 tháng 3 năm 2026

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Lê Văn Tuấn

Giấy CN ĐKHN KTV số: 0479-2023-142-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Mỹ Ngọc

Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1091-2023-142-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.126.174.891.349</b>	<b>865.185.947.332</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1	<b>261.011.200.077</b>	<b>275.273.253.169</b>
Tiền	111		121.011.200.077	55.273.253.169
Các khoản tương đương tiền	112		140.000.000.000	220.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.2.1	<b>786.380.400</b>	<b>764.061.970</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		786.380.400	764.061.970
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>712.651.002.103</b>	<b>477.979.263.897</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	652.439.338.712	369.277.521.909
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		101.428.459.953	160.455.213.966
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.1	15.108.269.873	13.411.813.009
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.4	(56.325.066.435)	(65.165.284.987)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.6	<b>126.858.489.976</b>	<b>87.198.921.228</b>
Hàng tồn kho	141		126.858.489.976	87.198.921.228
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>24.867.818.793</b>	<b>23.970.447.068</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.1	-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.11	24.867.818.793	23.970.447.068
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>269.899.828.995</b>	<b>189.606.067.167</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>3.369.196.765</b>	<b>5.900.310.978</b>
Phải thu dài hạn khác	216	V.5.2	3.369.196.765	5.900.310.978
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>172.023.390.359</b>	<b>175.228.331.059</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	171.776.390.367	174.859.081.055
- Nguyên giá	222		396.220.212.671	383.639.090.529
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(224.443.822.304)	(208.780.009.474)
Tài sản cố định vô hình	227	V.8	246.999.992	369.250.004
- Nguyên giá	228		1.248.691.819	1.248.691.819
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.001.691.827)	(879.441.815)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>89.507.241.871</b>	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		89.507.241.871	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.2.2	<b>5.000.000.000</b>	<b>1.500.000.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		5.000.000.000	1.500.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		-	<b>6.977.425.130</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.2	-	6.977.425.130
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.396.074.720.344</b>	<b>1.054.792.014.499</b>

011729-  
CÔNG TY  
TNHH  
HỮU TƯ VÀ  
HÌNH KẾ TO  
KIỂM TOÁN  
PHÍA NAM  
- T.P.HỒ C

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**  
tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1.046.203.587.273</b>	<b>719.806.156.800</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.040.501.870.273</b>	<b>715.723.336.800</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	352.658.204.662	186.289.251.648
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	278.160.394.598	343.043.928.846
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	3.712.073.137	6.435.539.393
Phải trả người lao động	314		44.731.932.539	38.808.822.961
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		95.354.127.852	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	240.522.752.572	130.059.230.796
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		18.065.945.689	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.296.439.224	11.086.563.156
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>5.701.717.000</b>	<b>4.082.820.000</b>
Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343		5.701.717.000	4.082.820.000
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>349.871.133.071</b>	<b>334.985.857.699</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.14	<b>348.950.815.406</b>	<b>334.065.540.034</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		284.997.640.000	284.997.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		284.997.640.000	284.997.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		711.011.577	711.011.577
Quỹ đầu tư phát triển	418		21.127.524.154	12.974.873.292
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		42.114.639.675	35.382.015.165
- LNST chưa phân phối lũy kế năm trước	421a		329.388.050	329.387.650
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		41.785.251.625	35.052.627.515
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>920.317.665</b>	<b>920.317.665</b>
Nguồn kinh phí	431	V.15	920.317.665	920.317.665
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>1.396.074.720.344</b>	<b>1.054.792.014.499</b>

Người lập biểu

Đỗ Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Phan Thị Tú Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Giao

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>2.363.365.957.316</b>	<b>1.484.661.953.005</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>2.363.365.957.316</b>	<b>1.484.661.953.005</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.255.812.447.004	1.385.502.455.708
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>107.553.510.312</b>	<b>99.159.497.297</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.438.227.916	3.312.202.756
Chi phí tài chính	22		11.278.016	73.689.733
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		11.278.016	73.689.733
Chi phí bán hàng	25	VI.6.1	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6.2	62.766.260.833	53.317.810.646
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>52.214.199.379</b>	<b>49.080.199.674</b>
Thu nhập khác	31	VI.4	1.099.708.193	1.747.805.177
Chi phí khác	32	VI.5	969.563.289	458.494.147
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>130.144.904</b>	<b>1.289.311.030</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>52.344.344.283</b>	<b>50.369.510.704</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	10.559.092.658	10.032.471.842
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>41.785.251.625</b>	<b>40.337.038.862</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Người lập biểu

Đỗ Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Phan Thị Tú Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc



Hoàng Anh Giao

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>52.344.344.283</b>	<b>50.369.510.704</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		19.371.420.434	19.724.968.733
- Các khoản dự phòng	03		(8.840.218.552)	(12.122.008.511)
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(7.438.227.916)	(3.312.202.756)
- Chi phí lãi vay	06		11.278.016	73.689.733
- Các khoản điều chỉnh khác	07		1.618.897.000	(1.428.845.059)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>57.067.493.265</b>	<b>53.305.112.844</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(226.728.891.379)	230.496.284.186
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(39.659.568.748)	(52.774.302.972)
- (Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		335.155.631.258	(77.924.741.164)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		6.977.425.130	6.977.425.200
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.278.016)	(73.689.733)
- Thuế TNDN đã nộp	15		(13.266.261.775)	(7.342.074.969)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.191.597.094)	(3.630.606.449)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>113.342.952.641</b>	<b>149.033.406.943</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21		(106.154.170.271)	(30.820.592.128)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22		263.231.852	485.753.778
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(22.318.430)	(26.816.369)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.500.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		7.438.227.916	3.312.202.756
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(101.975.028.933)</b>	<b>(27.049.451.963)</b>

501172  
CÔNG T  
TNHH  
H VỤ T  
HÌNH KẾ  
KIỂM TC  
PHÍA NAN  
- T.P HỒ

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		7.623.103.400	17.090.076.033
Tiền trả nợ gốc vay	34		(7.623.103.400)	(17.090.076.033)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(25.629.976.800)	(22.799.811.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(25.629.976.800)</b>	<b>(22.799.811.200)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(14.262.053.092)</b>	<b>99.184.143.780</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>275.273.253.169</b>	<b>176.089.109.389</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ				
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> <b>(70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>261.011.200.077</b>	<b>275.273.253.169</b>

Người lập biểu

Đỗ Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Phan Thị Tú Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Giao



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Công trình Giao thông Sài Gòn tiền thân là Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sài Gòn. Đại diện phần vốn nhà nước là Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300460907 ngày 26 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 6769/QĐ-UBND ngày 10/12/2015 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300460907 đăng ký lần đầu ngày 05/05/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 26/08/2025 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 284.997.640.000 đồng.

Trụ sở : 476 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Thuận, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật : Hoàng Anh Giao - Tổng Giám đốc

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

- Dịch vụ sự nghiệp công: Quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn thành phố HCM, bảo trì công trình đường thủy nội địa.,

- Thực hiện công trình kinh doanh: Thi công xây dựng các công trình giao thông, cấp nước, thoát nước, điện lực; bưu điện, thủy lợi.,

- Kinh doanh vật liệu xây dựng: Sản xuất và kinh doanh bê tông nhựa nóng và nhũ tương nhựa đường...

#### 3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng

#### 4. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đa phần thực hiện các hợp đồng đặt hàng cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích và thi công các công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách Nhà nước nên công tác quyết toán kéo dài và khi có các chính sách thay đổi sẽ ảnh hưởng nhiều đến giá trị quyết toán, làm thay đổi kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2025, sau khi Nhà nước thực hiện sáp nhập hành chính, sáp nhập Thành phố Hồ Chí Minh với Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu. Điều này đã dẫn đến doanh thu trong năm tăng hơn 897 tỷ, đạt mức tăng 159% so với năm 2024. Đây là một tín hiệu đáng mừng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời cũng đặt ra trọng trách mới cho Ban điều hành công ty.

#### 5. Mô hình hoạt động

Công ty có 01 Công ty con, 14 Xí nghiệp trực thuộc, 1 địa điểm kinh doanh và Văn phòng công ty quản lý chung hoạt động của toàn Công ty.

#### 6. Số công nhân viên tại thời điểm báo cáo : 525 người

### II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 5/5/2016 kết thúc tại ngày 31/12/2016.

Niên độ kế toán các năm tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

#### 1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung thông tư 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.



## 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

#### a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

**Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:** các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tổn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trường hợp số tổn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính.

#### b. Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

**Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:** khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:



- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

**Dự phòng nợ phải thu khó đòi:** các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).

Ngoài ra, Công ty còn có các khoản nợ phải thu khó đòi liên quan đến việc phê duyệt quyết toán các công trình SPDVCI thi công trước thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần đang chờ hướng dẫn xử lý của các cơ quan có thẩm quyền.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp: nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Dự phòng cho hàng tồn kho** được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty có thể xảy ra (giảm giá kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

##### Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hoá thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả kinh doanh.

Các tài sản cố định đã hết khấu hao vẫn tiếp tục sử dụng do Công ty thực hiện tốt công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị xe máy.

**Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:**

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc          | 05 - 50 năm |
| - Máy móc, thiết bị               | 08 - 15 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |

- Thiết bị dụng cụ quản lý 03 - 06 năm
- Các tài sản khác 04 năm
- Tài sản vô hình khác 03 - 06 năm

**6. Xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

**7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.
- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

**8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

**a. Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh tại hai chỉ tiêu riêng :

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;
- Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, thặng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

**b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối**



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót. Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Khi phân phối lợi nhuận cần cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

#### 11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### Hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định tại ngày lập Báo cáo tài chính;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện Hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.

Các khoản tăng giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu ghi nhận trong dòng chi phí đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

##### Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

##### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp: doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phân loại là quá hạn cần phải lập dự phòng. Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

##### Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quà biếu, tặng bằng tiền, hiện vật ...



**12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu xây dựng**

Việc điều chỉnh giảm doanh thu xây dựng khi nhận quyết định phê duyệt quyết toán giảm chi phí xây dựng hoàn thành của Chủ đầu tư và các Cấp có thẩm quyền.

**13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

**14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng chứng khoán; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

**15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được phân bổ cho các bộ phận kinh doanh của Công ty theo tiêu thức doanh thu hoặc lợi nhuận.

**16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

**17. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.3.

Công ty sau đây được xem là bên có liên quan:

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Số 1	Việt Nam	Công ty con
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM - HFIC	Việt Nam	Cổ đông lớn

**18. Công cụ tài chính**

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

**19. Thông tin về báo cáo bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh của Công ty. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý và lĩnh vực kinh doanh, được dựa vào cơ cấu báo cáo nội bộ và Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân bổ theo một tiêu thức hợp lý (Doanh thu hoặc lợi nhuận).

**19.1. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty hoạt động chính ở trụ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh, do đó không trình bày Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

**19.2. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	939.447.637.204	679.569.214.668
- Doanh thu thi công công trình	1.355.053.428.504	779.402.623.206
- Doanh thu hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng	68.864.891.608	25.690.115.131
<b>Cộng</b>	<b><u>2.363.365.957.316</u></b>	<b><u>1.484.661.953.005</u></b>

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG CỦA CÔNG TY**

Đơn vị tính: VND

**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	699.114.180	705.230.631
+ Văn phòng	675.594.550	695.819.872
+ Các xí nghiệp	23.519.630	9.410.759
- Tiền gửi ngân hàng	120.312.085.897	54.568.022.538
+ Tiền gửi ngân hàng của Văn phòng Công ty	118.952.679.564	54.068.984.257
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CNTP.HCM	67.204.941.903	31.174.550.389
NH TMCP Ngoại Thương VN - CN Tây Sài Gòn	120.218.607	121.725.830
NH TMCP Ngoại Thương VN - CN Sài Gòn	86.258.380	87.009.146
NH Nông nghiệp và phát triển nông thôn - CN 5	239.060.799	525.724.966
NH TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	29.101.253.854	22.051.149.958
NH TMCP Quốc tế Việt Nam	14.636.459.985	-
NH TMCP Kỹ thương Việt Nam	7.455.662.068	-
Kho bạc TP.HCM	108.823.968	108.823.968
+ Tiền gửi NH của các Xí nghiệp trực thuộc	1.359.406.333	499.038.281
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CN TP.HCM	482.382.488	332.233.875
NH TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	877.023.845	166.804.406
- Các khoản tương đương tiền	140.000.000.000	220.000.000.000
NH TMCP ĐT và PT Việt Nam - CNTP.HCM	70.000.000.000	115.000.000.000
NH TMCP Quân Đội - CN Bắc Sài Gòn	70.000.000.000	105.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>261.011.200.077</u></b>	<b><u>275.273.253.169</u></b>

## 2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm		Số đầu năm			
	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá trị gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>2.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>						
<b>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>						
Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam - CNTP.HCM	786.380.400	-	-	764.061.970	-	-
<b>Cộng</b>	<b>786.380.400</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>764.061.970</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>						
<b>Đầu tư vào công ty con</b>						
Công ty TNHH MTV Công trình giao thông số 1	5.000.000.000	-	-	1.500.000.000	-	-
	5.000.000.000	-	-	1.500.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

### Ghi chú (\*)

- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu và quyền biểu quyết: 100%

- Tóm tắt hoạt động của các công ty con:

Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông số 1 được thành lập theo quyết định số 45/QĐ-HĐQT ký ngày 23 tháng 11 năm 2016 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn phê duyệt. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310994760 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 07 năm 2011; đăng ký thay đổi giấy phép lần thứ 8 vào ngày 21 tháng 10 năm 2025.

Năm 2025, Công ty con tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐQT ngày 30/09/2025 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sài Gòn (công ty mẹ) và đã góp đủ vốn vào công ty con.

Giá trị hợp lý : Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của Công ty.

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với công ty con, công ty liên doanh, liên kết: Xem mục VIII.3

### 3 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

#### 3.1 Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trung tâm Quản lý Hạ Tầng Giao thông Đường bộ	286.569.555.510	123.082.434.901
- Trung tâm Quản lý Đường Thủy	19.867.625.213	8.978.544.493
- Ban QLDA ĐT XD các công trình giao thông	57.133.507.288	42.397.379.161
- Công ty Cổ Phần Phát Triển Bất Động Sản Phát Đạt	33.132.543.198	33.132.543.198
- Công ty TNHH MTV CTGT Số 1	34.741.587.753	4.709.692.820
- Khách hàng khác	220.994.519.750	156.976.927.336

#### Cộng

**652.439.338.712**      **369.277.521.909**

#### 3.2 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

- Công ty TNHH MTV CTGT Số 1	34.741.587.753	4.709.692.820
------------------------------	----------------	---------------

#### Cộng

**34.741.587.753**      **4.709.692.820**



### 4 . DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
- <b>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</b>				
+ Tổng Công ty Cấp Nước Sài Gòn - TNHH MTV	582.589.683	582.589.683	582.589.683	582.589.683
+ CTCP Đầu tư và Xây dựng Cấp Thoát Nước Wasaco	90.106.278	90.106.278	90.106.278	90.106.278
+ Cty CTNH XD Công Trình An Cường	267.581.500	267.581.500	267.581.500	267.581.500
+ CTCP Cấp nước Gia Định	211.595.335	211.595.335	211.595.335	211.595.335
+ BQLDA ĐT XD các công trình giao thông	5.178.297.048	4.168.040.734	6.252.600.048	4.436.616.234
+ CTCP Phát Triển BĐS Phát Đạt	10.312.198.603	10.312.198.603	10.312.198.603	10.312.198.603
+ XN công trình 7	4.461.194.915	4.461.194.915	4.511.194.915	4.511.194.915
+ XN công trình 4	1.928.349.204	1.928.349.204	1.928.349.204	1.928.349.204
+ CTCP CTGT 60	523.598.000	523.598.000	523.598.000	523.598.000
+ Đối tượng khác	36.698.942.037	33.779.812.183	60.094.637.235	42.301.455.235
<b>Cộng</b>	<b><u>60.254.452.603</u></b>	<b><u>56.325.066.435</u></b>	<b><u>84.774.450.801</u></b>	<b><u>65.165.284.987</u></b>

**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>5.1 Ngắn hạn</b>				
- Tạm ứng	807.429.468	-	818.779.468	-
- Phải thu khác của Văn phòng	<b>8.610.438.950</b>	<b>5.697.189.853</b>	<b>7.528.087.504</b>	<b>5.697.189.853</b>
+ XN công trình 4	1.185.994.938	1.185.994.938	1.185.994.938	1.185.994.938
+ XN công trình 7	4.461.194.915	4.511.194.915	4.511.194.915	4.511.194.915
+ Lãi dự thu	128.979.452	-	-	-
+ Đối tượng khác	2.834.269.645	-	1.830.897.651	-
- Phải thu khác của Xí nghiệp	<b>5.690.401.455</b>	-	<b>5.064.946.037</b>	-
+ XN đường bộ 1	3.736.107.067	-	3.983.098.573	-
+ XN đường bộ 4	31.186.067	-	33.568.816	-
+ XN đường bộ 6	117.782.564	-	340.557.363	-
+ XN công trình 2	6.973.618	-	-	-
+ XN công trình 3	25.203.344	-	46.738.920	-
+ XN công trình 5	980.554.357	-	38.190.092	-
+ XN công trình 6	46.814.638	-	47.817.792	-
+ XN công trình 8	153.787.568	-	90.545.470	-
+ XN công trình 10	259.021.434	-	108.509.712	-
+ XN công trình thanh niên	153.703.871	-	231.050.222	-
+ XN CT Hạ tầng Giao thông	3.652.254	-	3.636.693	-
+ XNSX BTNN	58.223.815	-	46.633.661	-
+ XNSX LĐTHTGT	117.390.858	-	94.598.723	-
<b>Cộng</b>	<b>15.108.269.873</b>	<b>5.697.189.853</b>	<b>13.411.813.009</b>	<b>5.697.189.853</b>



**5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>5.2 Dài hạn</b>				
- Ký quỹ, ký cược	3.369.196.765	-	5.900.310.978	-
+ TT QL HT GT	-	-	36.905.062	-
Đường Bộ				
+ TT Quản lý Đường	335.924.000	-	2.822.978.743	-
Thủy				
+ Cục quản lý đường	2.670.093.234	-	1.686.614.362	-
bộ IV				
+ Trung tâm QLGT	56.379.531	-	414.409.811	-
Công cộng				
+ TT phát triển hạ	-	-	632.603.000	-
tầng kỹ thuật Tp.Thủ				
Đức				
+ Điện lực Long	6.800.000	-	6.800.000	-
Thành				
+ Công ty TNHH	300.000.000	-	300.000.000	-
TMDV TC XD Cầu				
Đường Hồng An				
<b>Cộng</b>	<b>3.369.196.765</b>	<b>-</b>	<b>5.900.310.978</b>	<b>-</b>

**6 . HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật	76.218.519.745	-	65.087.218.208	-
liệu				
- Công cụ, dụng cụ	10.972.908	-	10.972.908	-
- Chi phí SXKD dở	50.628.997.323	-	22.100.730.112	-
dang				
<b>Cộng</b>	<b>126.858.489.976</b>	<b>-</b>	<b>87.198.921.228</b>	<b>-</b>

**7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị xây dựng	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	70.990.256.136	194.768.107.383	115.564.206.191	2.316.520.819	-	383.639.090.529
Số tăng trong năm	718.208.416	5.932.300.980	9.515.970.338	-	-	16.166.479.734
- Mua trong năm	718.208.416	5.932.300.980	9.515.970.338	-	-	16.166.479.734
- Tăng do phân loại lại	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.015.248.182	2.570.109.410	-	-	3.585.357.592
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.015.248.182	2.570.109.410	-	-	3.585.357.592
- Giảm do phân loại	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	71.708.464.552	199.685.160.181	122.510.067.119	2.316.520.819	-	396.220.212.671
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	11.304.084.638	127.761.097.759	68.579.293.940	1.135.533.137	-	208.780.009.474
Số tăng trong năm	1.663.204.946	8.257.352.423	9.059.991.420	268.621.633	-	19.249.170.422
- Khấu hao trong năm	1.663.204.946	8.257.352.423	9.059.991.420	268.621.633	-	19.249.170.422
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	1.015.248.182	2.570.109.410	-	-	3.585.357.592
- Thanh lý, nhượng bán	-	1.015.248.182	2.570.109.410	-	-	3.585.357.592
Số dư cuối năm	12.967.289.584	135.003.202.000	75.069.175.950	1.404.154.770	-	224.443.822.304
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	59.686.171.498	67.007.009.624	46.984.912.251	1.180.987.682	-	174.859.081.055
Tại ngày cuối năm	58.741.174.968	64.681.958.181	47.440.891.169	912.366.049	-	171.776.390.367



**8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm quản lý	Tài sản vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	-	-	146.129.900	992.056.103	110.505.816	1.248.691.819
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	146.129.900	992.056.103	110.505.816	1.248.691.819
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	-	-	146.129.900	622.806.099	110.505.816	879.441.815
Số tăng trong năm	-	-	-	122.250.012	-	122.250.012
- Khấu hao trong năm	-	-	-	122.250.012	-	122.250.012
- Tặng khác	-	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	146.129.900	745.056.111	110.505.816	1.001.691.827
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu năm	-	-	-	369.250.004	-	369.250.004
Tại ngày cuối năm	-	-	-	246.999.992	-	246.999.992



**9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>9.1. Ngắn hạn</b>	-	-
<b>9.2. Dài hạn</b>		
- Lợi thế kinh doanh	-	6.977.425.130
<b>Cộng</b>	<u>-</u>	<u>6.977.425.130</u>

**10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<b>10.1. Ngắn hạn:</b>				
<b>a. Văn phòng Công ty</b>	<b>121.873.974.224</b>	<b>121.873.974.224</b>	<b>37.326.966.740</b>	<b>37.326.966.740</b>
- CTCP TM và XNK Vật tư Giao thông (TRATIMEX)	14.391.628.560	14.391.628.560	8.597.499.900	8.597.499.900
- Cty TNHH Đình Phương Nam	5.167.439.820	5.167.439.820	897.833.160	897.833.160
- Cty TNHH TM DV TC XD Cầu Đường Hồng An	23.199.270.163	23.199.270.163	9.366.118.123	9.366.118.123
- Cty CP Đầu Tư XD Và Thương Mại Quốc Tế	8.975.211.480	8.975.211.480	5.033.926.700	5.033.926.700
- Cty TNHH Nhựa đường Petrolimex - CN	14.719.794.120	14.719.794.120	9.902.713.700	9.902.713.700
- Cty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Số 1	9.290.458.466	9.290.458.466	-	-
- CTCP Thiết bị và xe chuyên dụng VIPEC	10.738.980.000	10.738.980.000	-	-
- Cty TNHH XD TM Đông Phương	18.697.848.422	18.697.848.422	-	-
- Phải trả khác	16.693.343.193	16.693.343.193	3.528.875.157	3.528.875.157
<b>b. Các Xí nghiệp trực thuộc</b>	<b>230.784.230.438</b>	<b>230.784.230.438</b>	<b>148.962.284.908</b>	<b>148.962.284.908</b>
- XN đường bộ 1	88.375.691.536	88.375.691.536	32.901.124.730	32.901.124.730
- XN đường bộ 4	28.171.437.935	28.171.437.935	17.904.786.100	17.904.786.100
- XN đường bộ 6	15.475.404.552	15.475.404.552	19.543.452.829	19.543.452.829
- XN Công trình 2	4.318.174.497	4.318.174.497	-	-
- XN Công trình 3	1.290.643.864	1.290.643.864	2.035.253.380	2.035.253.380
- XN Công trình 5	7.980.940.456	7.980.940.456	6.007.323.968	6.007.323.968
- XN Công trình 6	4.434.726.195	4.434.726.195	2.872.866.664	2.872.866.664
- XN Công trình 8	7.981.359.923	7.981.359.923	11.259.736.893	11.259.736.893
- XN Công trình 10	6.908.692.710	6.908.692.710	3.465.050.092	3.465.050.092
- XNSX LĐTHTGT	2.802.570.912	2.802.570.912	2.422.474.487	2.422.474.487
- XNSX BTNN	9.964.011.376	9.964.011.376	10.162.055.283	10.162.055.283
- XN CT Thanh niên	52.291.223.422	52.291.223.422	38.951.256.104	38.951.256.104
- XN CT Hạ tầng GT	789.353.060	789.353.060	1.436.904.378	1.436.904.378
<b>Cộng</b>	<u><b>352.658.204.662</b></u>	<u><b>352.658.204.662</b></u>	<u><b>186.289.251.648</b></u>	<u><b>186.289.251.648</b></u>

**10.2. Dài hạn**

501172  
CÔNG TY  
TNHH  
KH VU TU  
CHÍNH K  
KIỂM T  
PHÍA NA  
- T.P H

**11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<b>Thuế phải thu đầu năm</b>	<b>Số phải nộp đầu năm</b>	<b>Phát sinh tăng</b>	<b>Số đã nộp</b>	<b>Thuế phải thu cuối năm</b>	<b>Số phải nộp cuối năm</b>
- Thuế giá trị gia tăng	23.763.119.324	-	16.454.536.875	17.054.094.270	24.362.676.719	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	6.074.966.887	10.903.368.025	13.266.261.775	-	3.712.073.137
- Thuế thu nhập cá nhân	-	360.572.506	3.846.765.176	4.505.152.012	297.814.330	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	478.032.468	478.032.468	-	-
- Phí, lệ phí, phải nộp khác	207.327.744	-	396.419.007	396.419.007	207.327.744	-
<b>Cộng</b>	<b>23.970.447.068</b>	<b>6.435.539.393</b>	<b>32.079.121.551</b>	<b>35.699.959.532</b>	<b>24.867.818.793</b>	<b>3.712.073.137</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

## 12 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

### 12.1 Ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ban QLDA ĐT XD các Công trình Giao thông	12.116.640.922	59.360.269.228
- Tổng Công ty Xây dựng Sài Gòn TNHH MTV	28.662.087.530	28.662.087.530
- Ban QLDA ĐT XD khu vực Huyện Bình Chánh	4.385.649.573	32.814.935.414
- Ban QLDA dự án Mỹ Thuận	-	17.336.665.080
- Ban QLDA đầu tư xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh	-	30.301.017.000
- BQL Dự án và Phát triển Quỹ đất Thành phố Cao Lãnh	-	10.668.016.159
- BQL Đường sắt đô thị	-	4.478.425.181
- Cty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Số 1	13.819.644	13.819.644
- Trung Tâm Phát triển Hạ tầng kỹ thuật Thành phố Thủ Đức	32.458.205.363	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Đô Thị Thành phố Hồ Chí Minh	141.842.865.009	125.972.738.020
- Đối tượng khác	58.681.126.557	33.435.955.590
<b>Cộng</b>	<b><u>278.160.394.598</u></b>	<b><u>343.043.928.846</u></b>

### 12.2 Người mua trả trước là các bên liên quan

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH MTV CTGT Số 1	13.819.644	13.819.644
<b>Cộng</b>	<b><u>13.819.644</u></b>	<b><u>13.819.644</u></b>

### 12.3. Dài hạn

**13 . PHẢI TRẢ KHÁC**

**13.1. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả về cổ phần hóa - phải nộp về HFIC	156.381.600	156.381.600
- Phải trả ngắn hạn khác - Văn phòng	18.939.411.390	16.637.963.965
+ Sở tài chính TP. Hồ Chí Minh	7.120.660.129	7.120.660.129
+ Cty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Số 1	5.000.000.000	1.500.000.000
+ Xí nghiệp Đường bộ 1	188.065.108	113.469.108
+ Xí nghiệp Đường bộ 4	287.687.687	285.065.687
+ Xí nghiệp Công trình 1	980.618.509	980.618.509
+ Xí nghiệp Công trình 2	329.176.436	229.403.008
+ Xí nghiệp Công trình 4	1.333.989.177	1.333.989.177
+ Cổ đông khác (cổ tức phải trả)	124.895.640	105.084.840
+ Đối tượng khác	3.574.318.704	4.969.673.507

**13.1. Ngắn hạn (tiếp theo)**

- Phải trả ngắn hạn khác - Xí nghiệp	221.426.959.582	113.264.885.231
+ Xí nghiệp Đường Bộ 1	97.735.702.741	16.764.859.971
+ Xí nghiệp Đường Bộ 4	37.619.347.547	9.750.434.037
+ Xí nghiệp Đường Bộ 6	4.930.208.957	12.101.660.268
+ Xí nghiệp công trình 2	3.903.553.509	183.449.976
+ Xí nghiệp công trình 3	4.510.984.093	3.989.625.269
+ Xí nghiệp công trình 5	14.831.333.074	2.621.247.109
+ Xí nghiệp công trình 6	5.143.245.010	5.980.086.283
+ Xí nghiệp công trình 8	16.941.105.984	9.843.381.360
+ Xí nghiệp công trình 10	3.007.613.643	6.009.777.062
+ Xí nghiệp SX LĐ HTTH GT	4.514.193.519	6.480.317.174
+ Xí nghiệp sản xuất bê tông nhựa nóng	5.375.125.981	18.529.602.676
+ Xí nghiệp công trình thanh niên	22.339.932.584	17.500.638.803
+ Xí nghiệp CT Hạ tầng Giao thông	574.612.940	3.509.805.243

**Cộng**

**240.522.752.572**

**130.059.230.796**

**13.2. Dài hạn**



#### 14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

##### a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>284.997.640.000</b>	<b>711.011.577</b>	<b>12.974.873.292</b>	<b>23.241.149.882</b>	<b>321.924.674.751</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	40.337.038.862	40.337.038.862
- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	-	-	-	(5.284.411.347)	(5.284.411.347)
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(111.951.032)	(111.951.032)
- Phân phối cổ tức	-	-	-	(22.799.811.200)	(22.799.811.200)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>284.997.640.000</b>	<b>711.011.577</b>	<b>12.974.873.292</b>	<b>35.382.015.165</b>	<b>334.065.540.034</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>284.997.640.000</b>	<b>711.011.577</b>	<b>12.974.873.292</b>	<b>35.382.015.165</b>	<b>334.065.540.034</b>
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	41.785.251.625	41.785.251.625
- Phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2024	-	-	-	(1.250.188.653)	(1.250.188.653)
- Quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.152.650.862	(8.152.650.862)	-
- Phân phối cổ tức	-	-	-	(25.649.787.600)	(25.649.787.600)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>284.997.640.000</b>	<b>711.011.577</b>	<b>21.127.524.154</b>	<b>42.114.639.675</b>	<b>348.950.815.406</b>

14 . b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Số lượng CP</u>	<u>Giá trị vốn góp</u>
- Vốn góp của HFIC	49,00%	13.965.000	139.650.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	51,00%	14.534.764	145.347.640.000
	<b><u>100,00%</u></b>	<b><u>28.499.764</u></b>	<b><u>284.997.640.000</u></b>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>- Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu năm	284.997.640.000	284.997.640.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	284.997.640.000	284.997.640.000
<b>- Cổ tức, lợi nhuận đã chia</b>	<b>25.649.787.600</b>	<b>22.799.811.200</b>

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>28.499.764</b>	<b>28.499.764</b>
+ Cổ phiếu phổ thông	28.499.764	28.499.764
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

15 . NGUỒN KINH PHÍ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>- Nguồn kinh phí đầu năm</b>	<b>920.317.665</b>	<b>920.317.665</b>
- Nguồn kinh phí được cấp trong năm	-	-
- Chi sự nghiệp	-	-
<b>- Nguồn kinh phí còn lại cuối năm</b>	<b>920.317.665</b>	<b>920.317.665</b>



**VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG CỦA CÔNG TY**

Đơn vị tính: VND

**1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>1.1. Doanh thu</b>		
- Doanh thu quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	939.447.637.204	679.569.214.668
- Doanh thu thi công công trình	1.355.053.428.504	779.402.623.206
- Doanh thu hoạt động sản xuất bê tông nhựa nóng	68.864.891.608	25.690.115.131
<b>Cộng</b>	<b><u>2.363.365.957.316</u></b>	<b><u>1.484.661.953.005</u></b>

**1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan**

- Công ty TNHH MTV Công trình giao thông số 1	45.347.421.380	7.004.526.810
<b>Cộng</b>	<b><u>45.347.421.380</u></b>	<b><u>7.004.526.810</u></b>

**2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ	858.879.646.305	603.739.473.402
- Giá vốn thi công công trình	1.329.255.723.483	756.511.237.328
- Giá vốn sản xuất bê tông nhựa nóng	67.677.077.216	25.251.744.978
<b>Cộng</b>	<b><u>2.255.812.447.004</u></b>	<b><u>1.385.502.455.708</u></b>

**3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.309.248.464	3.053.755.704
- Lãi dự thu	128.979.452	-
- Lợi nhuận từ Công ty con	-	258.447.052
<b>Cộng</b>	<b><u>7.438.227.916</u></b>	<b><u>3.312.202.756</u></b>

**4 . THU NHẬP KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	263.231.852	485.753.778
- Cho thuê xe, máy thi công	749.395.000	626.164.000
- Các khoản thu nhập khác	87.081.341	635.887.399
<b>Cộng</b>	<b><u>1.099.708.193</u></b>	<b><u>1.747.805.177</u></b>

**5. CHI PHÍ KHÁC**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Phạt VPHC về thuế, tiền chậm nộp NSNN	389.919.007	-
- Chi phí xe, máy thi công	551.962.041	453.255.807
- Các khoản chi phí khác	27.682.241	5.238.340
<b>Cộng</b>	<b><u>969.563.289</u></b>	<b><u>458.494.147</u></b>

**6. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>6.1. Chi phí bán hàng</b>	-	-
<b>6.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>62.766.260.833</b>	<b>53.317.810.646</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	37.859.822.098	35.003.371.589
- Chi phí vật liệu quản lý	1.818.979.279	1.283.724.173
- Trích quỹ khoa học công nghệ	1.618.897.000	(1.428.845.059)
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.589.191.169	1.313.952.446
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.701.792.515	2.712.593.543
- Thuế, phí và lệ phí	634.630.817	1.120.804.874
- Chi phí dự phòng	-	6.554.167.989
- Hoàn nhập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi	(8.840.218.552)	(18.676.176.500)
- Chi phí khác bằng tiền	18.167.373.627	6.979.613.785
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.215.792.880	18.454.603.806
<b>Cộng</b>	<b><u>62.766.260.833</u></b>	<b><u>53.317.810.646</u></b>

**7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	10.559.092.658	10.032.471.842
<b>Cộng</b>	<b><u>10.559.092.658</u></b>	<b><u>10.032.471.842</u></b>

**Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>52.344.344.283</b>	<b>50.369.510.704</b>
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	451.119.007	(207.151.494)
<b>+ Các khoản điều chỉnh tăng</b>	<b>451.119.007</b>	<b>51.295.558</b>
Chi phí thù lao	61.200.000	46.620.000
Chi phí phạt	389.919.007	4.675.558
<b>+ Các khoản điều chỉnh giảm</b>	<b>-</b>	<b>258.447.052</b>
Lợi nhuận được chia từ Công ty con	-	258.447.052
- <b>Chuyển lỗ các năm trước</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- <b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>52.795.463.290</b>	<b>50.162.359.210</b>
Trong đó:		
+ Thu nhập chịu thuế theo thuế suất thông thường	52.795.463.290	50.162.359.210
- <b>Thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành</b>	<b>10.559.092.658</b>	<b>10.032.471.840</b>
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường (20%)	10.559.092.658	10.032.471.840

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 8. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về “Lãi trên cổ phiếu”

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG CỦA CÔNG TY:

#### 1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

Trong năm, Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

#### 2. Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:

Trong năm, Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh

#### 3. Thu tiền từ đi vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo	7.623.103.400	17.090.076.033
<b>Cộng</b>	<b><u>7.623.103.400</u></b>	<b><u>17.090.076.033</u></b>

#### 4. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền trả nợ gốc vay	7.623.103.400	17.090.076.033
<b>Cộng</b>	<b><u>7.623.103.400</u></b>	<b><u>17.090.076.033</u></b>

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Thông tin tài chính khác:

Công ty còn có các khoản quyết toán tăng chưa được Sở tài chính ghi vốn để thanh toán (theo thông báo kết quả kiểm toán Nhà Nước tại Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn số 709/TB-KV IV ngày 28/09/2018).

#### 2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

Ngoài các thông tin đã trình bày trong báo cáo tài chính, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra ảnh hưởng hoạt động liên tục của Công ty kể từ ngày kết thúc năm kế toán yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính.

#### 3. Thông tin về các bên liên quan có phát sinh nghiệp vụ chủ yếu:

##### 3.1. Bên có liên quan

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM - HFIC	Cổ đông lớn
+ Công ty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Số 1	Công ty con

### 3.2. Giao dịch với bên có liên quan

#### - Tiền lương Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát:

Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
+ Tiền lương Tổng Giám đốc	556.800.000	428.400.000
+ Thù lao Ban kiểm soát	630.000.000	483.840.000
+ Thù lao Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, phụ trách quản trị	589.200.000	454.860.000
. Ông Huỳnh Minh Anh	-	44.677.500
. Ông Hoàng Ngọc Hưng	188.400.000	100.222.500
. Ông Hoàng Anh Giao	86.400.000	66.780.000
. Ông Võ Anh Tú	86.400.000	66.780.000
. Ông Trần Thanh Hưng	86.400.000	66.780.000
. Ông Nguyễn Danh Thụ	86.400.000	66.780.000
. Bà Đỗ Thị Thùy Linh	55.200.000	42.840.000
<b>Tổng</b>	<b>1.776.000.000</b>	<b>1.367.100.000</b>

#### - Bên liên quan khác

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan - Nội dung giao dịch	Năm nay	Năm trước
<b>+ Công ty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Số 1</b>		
. Doanh thu thi công và bán bê tông nhựa nóng	45.347.421.380	7.004.526.410
. Thu nhập cho thuê xe máy thi công	557.149.320	157.898.000
. Thu tiền từ dịch vụ, hàng hoá	49.532.364.410	3.580.891.299
. Chi phí thuê thi công công trình	9.290.458.466	-
. Thu tiền lợi nhuận chuyển về từ Công ty con	-	258.447.052
<b>+ Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước TP.HCM - HFIC</b>		
. Chi tiền cổ tức theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên	12.568.500.000	11.172.000.000
. Phải nộp khác	1.044.769.703	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan - Nội dung giao dịch	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>+ Công ty TNHH MTV Công Trình Giao Thông Số 1</b>		
. Phải thu khách hàng	34.741.587.753	4.709.692.820
. Phải trả người bán ngắn hạn	9.290.458.466	-
. Người mua trả trước	13.819.644	13.819.644
. Phải trả khác	5.000.000.000	1.500.000.000

#### 4. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục.

**5. Quỹ tiền lương, thù lao & khoản bổ sung khác**

Quỹ tiền lương, thù lao, khoản bổ sung khác thực hiện năm 2025 căn cứ các Biên bản họp và Nghị quyết Hội đồng Quản trị, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

<b>Bộ phận</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Quỹ tiền lương Ban điều hành Công ty	3.057.600.000	2.352.420.000
- Quỹ thù lao HĐQT, thư ký HĐQT và BKS	1.219.200.000	938.700.000
- Quỹ tiền lương, khoản bổ sung khác NLĐ	124.102.424.051	122.217.103.449
<b>Tổng</b>	<b>128.379.224.051</b>	<b>125.508.223.449</b>

**6. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng, Báo cáo kết quả kinh doanh riêng và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là số liệu so sánh được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biểu

Đỗ Thị Kim Phượng

Kế toán trưởng

Phan Thị Tú Trinh

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 03 năm 2026

Tổng Giám đốc

Hoàng Anh Giao

